

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 27-01-2021
"Tranh chấp ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Mỹ Ngọc
2. Ông Nguyễn Văn Cường

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long - tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:* Không tham gia.

Ngày 27 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án, thụ lý số: 427/2020/TLST-HN, ngày 28/12/2020, về việc "*Tranh chấp Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Ngọc L, sinh năm 1977 (Có mặt). Địa chỉ: đường L, phường A, thành phố V, tỉnh L. Tạm trú: ấp H, xã T, huyện L, tỉnh V.

Bị đơn: Ông Nguyễn Thiện N, sinh năm 1976 (Có mặt). Địa chỉ: đường L, phường A, thành phố V, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tiếp theo của nguyên đơn bà Trần Ngọc L trình bày:

Bà L và ông N tự tìm hiểu nhau được vài tháng thì đi đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 30/11/2001 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Ô, tỉnh V. Ông bà sống hạnh phúc được khoảng năm năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc ông N nghi ngờ bà L sử dụng tiền bạc không rõ ràng trong chi tiêu sinh hoạt hàng ngày và do tính tình của ông N ích kỷ, thường xuyên có lời lẽ xúc phạm bà L và gia đình của bà L, từ đó cuộc sống chung vợ chồng còn không hòa hợp, hạnh phúc. Bà và ông N không thể hàn gắn đoàn tụ với nhau và bà cũng không còn tình cảm với ông N, vì vậy bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Bà L và ông N có 01 con chung là cháu Nguyễn T, sinh ngày 02/7/2002. Cháu T đã đủ 18 tuổi là người thành niên nên bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn.

Về phía bị đơn ông Nguyễn Thiện N trình bày: Ông N và bà L tự tìm hiểu nhau được vài tháng thì đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn vào ngày 30/11/2001 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Ô, tỉnh V. Sau khi kết hôn ông bà sống hạnh phúc khoảng tám năm thì phát sinh mâu thuẫn. Ông N thừa nhận ông có nhiều lần dùng lời lẽ xúc phạm bà L và gia đình vợ, có gây ảnh hưởng tinh thần của vợ nhưng không có mâu thuẫn tiền bạc do ông tin tưởng vợ nên đi làm giao hết tiền bạc cho bà L quản lý. Nay ông N không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ và mong muốn đoàn tụ gia đình.

Tại Tòa, ông N giữ nguyên ý kiến không đồng ý ly hôn. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn: Về con chung, ông N và bà L có 01 con chung là cháu Nguyễn T, sinh ngày 02/7/2002, cháu T đã đủ 18 tuổi là người thành niên nên ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, ông N trình bày ông và bà L có tài sản chung, nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn ông có yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được qui định tại Điều 28, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Bà L và ông N tự nguyện tìm hiểu nhau đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông bà hợp pháp. Sau khi cưới nhau ông bà cũng có thời gian sống hạnh phúc một thời gian nhưng từ khi xảy ra mâu thuẫn nhiều lần và kéo dài thì không hàn gắn được. Tại Tòa, bà L trình bày bà nhiều lần cho ông N cơ hội nhưng ông N vẫn không sửa đổi việc dùng lời lẽ xúc phạm bà, gây tổn thương và áp lực tinh thần của bà hàng ngày, bà không còn tình cảm với ông N nên không thể tiếp tục chung sống vợ chồng, bà đã dọn ra ở riêng từ tháng 10/2020 và không đồng ý đoàn tụ gia đình với ông N vì mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn được. Về phía ông N không đồng ý ly hôn tuy nhiên tại Tòa ông N cũng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm với bà L. Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng của ông bà đã không còn hạnh phúc, mặc dù ông N đề nghị đoàn tụ nhưng bà L xác định không còn tình cảm với ông N và cương quyết yêu cầu giải quyết ly hôn, như vậy mục đích hôn nhân của ông bà đã không đạt thành nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L theo quy định tại Điều 51 và 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Bà L và ông N có 01 con chung là cháu Nguyễn T, sinh ngày 02/7/2002. Cháu T đã đủ 18 tuổi là người thành niên, bà L và ông N không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng.

[4]. Về tài sản chung: Bà L trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung. Về phía ông N tại Tòa có yêu cầu giải quyết tài sản chung. Xét nguyên đơn không khởi kiện yêu cầu chia tài sản trong cùng vụ án, tại Tòa bị đơn có yêu cầu chia tài sản chung nhưng yêu cầu của ông N chưa thực hiện đúng trình tự thủ tục quy định tại Điều 200 và 202 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử không có đủ cơ sở xem xét giải quyết. Do đó, bà L và ông N có quyền tự thỏa thuận với nhau về việc chia tài sản chung, trường hợp ông bà không thỏa thuận được thì có quyền khởi kiện vụ án khác để yêu cầu Tòa án giải quyết và phải thực hiện theo trình tự thủ tục do pháp luật quy định.

[5]. Về nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[6]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bà Trần Ngọc L phải chịu án phí theo qui định của pháp luật;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 53 Luật Hôn nhân và gia đình và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Ngọc L. Bà Trần Ngọc L được ly hôn với ông Nguyễn Thiện N.

2. Về con chung: Bà L và ông N có 01 con chung là cháu Nguyễn T, sinh ngày 02/7/2002. Cháu T đã đủ 18 tuổi là người thành niên, bà L và ông N không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung: Bà L không có yêu cầu, Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà L không có yêu cầu, Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà Trần Ngọc L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm. Bà L được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí nộp ngày 22/12/2020 theo biên lai thu số N₀ 0005939 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Vĩnh Long. Bà L đã nộp đủ.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long;
- Viện kiểm sát nhân dân TPVL;
- Chi cục thi hành án DS TPVL;
- **UBND xã T, huyện Ô, tỉnh V;**
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Thị Mỹ Dung